

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

**BẢO ĐẢM QUYỀN TỔ TỤNG CỦA ĐƯƠNG SỰ
TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ**

Chuyên ngành: Luật dân sự và Tổ tụng dân sự

Mã số: 9 38 01 03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, NĂM 2019

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Trần Anh Tuấn
2. TS. Đinh Trung Tụng

Phản biện 1: TS. Lê Thu Hà

Phản biện 2: TS. Nguyễn Quang Thái

Phản biện 3: TS. Nguyễn Công Bình

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Trường,
họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội, vào hồi h / / 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- 1) Thư viện Quốc gia;**
- 2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội.**

MỞ ĐẦU

Trong xu thế phát triển và hội nhập quốc tế vấn đề bảo vệ quyền con người ngày càng được xem trọng. Vì vậy, trong hoạt động xét xử bảo đảm quyền tố tụng của đương sự là một tất yếu khách quan. Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự là cơ sở cho việc giải quyết vụ án chính xác, khách quan, mang lại niềm tin công lý cho người dân. Quan điểm cải cách tư pháp được Đảng ta ghi nhận trong Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã chỉ rõ: *“Hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, chế độ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhất là Tòa án trong việc bảo vệ các quyền đó; xử lý nghiêm minh mọi hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân”*. Có thể nhận thấy rằng quan điểm của Đảng ta về cải cách tư pháp đặt ra yêu cầu phải cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền tố tụng của đương sự, đảm bảo hiệu quả của thủ tục tư pháp dân sự đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Hiến pháp năm 2013 – Đạo luật cơ bản của quốc gia đã cụ thể hóa vấn đề này tại khoản 3 Điều 102 và nêu rõ *“Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”*. Như vậy, vấn đề bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người và quyền công dân được đặt lên hàng đầu trong rất nhiều nhiệm vụ của Tòa án mà Hiến pháp đã liệt kê cho thấy sự tiến bộ về mặt lập pháp, vì bảo đảm quyền con người và quyền công dân là cội nguồn cho sự bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự.

Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự có ý nghĩa rất quan trọng. Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự chính là bảo đảm cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hay tranh chấp trong các quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có thể bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án. Tuy nhiên, dưới góc độ lý luận chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự để làm cơ sở cho việc đánh giá luật định. Mặt khác, một số quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được quy định trong Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) năm 2015 chưa đầy đủ hoặc thiếu cụ thể, nên việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn đã dẫn tới

những vướng mắc, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu về tính hiệu quả của việc bảo đảm các quyền tố tụng. Chẳng hạn như BLTTDS năm 2015 quy định các quyền tố tụng của đương sự nhưng chưa quy định các nghĩa vụ đối ứng của đương sự đối lập hoặc quy định nhưng không có các biện pháp bảo đảm để các đương sự đối lập thực hiện đúng các nghĩa vụ tố tụng của họ. Vì vậy, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các quyền tố tụng của đương sự khác. Mặt khác, Tòa án và các chủ thể tiến hành tố tụng thuộc Tòa án có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, nhưng quy định của BLTTDS năm 2015 về trách nhiệm của Tòa án, nhiệm vụ, quyền hạn các chủ thể tiến hành tố tụng thuộc Tòa án chưa có sự gắn kết với việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự. Viện Kiểm sát (VKS) có chức năng kiểm sát các hoạt động tố tụng, qua đó bảo đảm cho các quyền tố tụng của đương sự được thực thi nhưng một số quy định của BLTTDS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Viện trưởng VKS, Kiểm sát viên chưa đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự. Bên cạnh đó, pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) cũng chưa quy định các chế tài phù hợp nhằm bảo đảm quyền tố tụng cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Nghiên cứu thực tiễn tố tụng tại Tòa án cho thấy tình trạng Tòa án chưa thực sự tôn trọng, áp đặt ý chí chủ quan, thậm chí vi phạm các quyền tố tụng của đương sự và chưa tạo điều kiện cho đương sự thực hiện quyền tố tụng của mình vẫn còn tồn tại dẫn tới các quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự không được bảo vệ. Với những lý do đã phân tích ở trên, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự”*** nhằm làm rõ các vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, luận giải những nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế trong bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, từ đó đề xuất những yêu cầu, kiến nghị nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự ở Việt Nam là vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án xây dựng được vấn đề lý luận cơ bản về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự như bản chất, cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự; xác định được nội dung của biện pháp pháp lý bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự và các yếu tố cơ bản chi phối thực hiện việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự.

Thứ hai, luận án đã phân tích, đánh giá một cách toàn diện những hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo

đảm quyền tố tụng của đương sự; xác định được nguyên nhân cơ bản dẫn đến quyền tố tụng của đương sự không được bảo đảm thực hiện là tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự.

Thứ ba, luận án xây dựng được hệ thống các yêu cầu, kiến nghị khoa học về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự đáp ứng được xu hướng hội nhập quốc tế và đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp bảo đảm quyền con người trong hoạt động xét xử, bao gồm các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và kiến nghị tổ chức thực hiện pháp luật.

- Các kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật TTDS về bảo đảm quyền của đương sự trong TTDS, gồm: bổ sung quyền tố tụng của đương sự chưa được ghi nhận; sửa đổi, bổ sung quy định về nghĩa vụ đối ứng của đương sự gắn với bảo đảm quyền tố tụng của đương sự khác; hoàn thiện quy định của pháp luật về sự tham gia tố tụng dân sự của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự; hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Tòa án và nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể tiến hành tố tụng thuộc Tòa án gắn liền với bảo đảm quyền tố tụng của đương sự; hoàn thiện các quy định của pháp luật về cơ chế kiểm sát việc bảo đảm quyền tố tụng của đương, đồng thời xây dựng chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự.

- Các kiến nghị thực hiện pháp luật như: xây dựng các tiêu chí đánh giá Tòa án, đào tạo các chức danh tư pháp thống nhất...

Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan về vấn đề nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận án trình bày với kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

Chương 2. Thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện

Chương 3. Yêu cầu và một số kiến nghị về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu ở Việt Nam và ở nước ngoài có liên quan đến đề tài Luận án, cho thấy chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện các vấn đề lý luận và thực tiễn bảo đảm quyền tổ tụng của đương sự trong tố tụng dân sự ở Việt Nam, mà chỉ nghiên cứu dưới góc độ là các quyền tố tụng riêng rẽ (nhưng số công trình này cũng rất ít). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu từ các công trình các quyền tố tụng cụ thể này sẽ là cơ sở để nghiên cứu sinh phân tích, luận giải những ưu điểm về hoạt động bảo đảm quyền tố tụng của đương sự theo góc nhìn so sánh và khoa học luật tố tụng. Những ưu điểm và kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan sẽ được Luận án tiếp tục kế thừa và phát triển.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TỔ TỤNG CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

1.1.1. Khái niệm bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

Vấn đề bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS được tiếp cận nghiên cứu dưới nhiều góc độ với những quan điểm khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy có tới 05 quan điểm khác nhau về vấn đề này:

Quan điểm thứ nhất, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được thực hiện thông qua việc quy định hợp lý, công khai, minh bạch thủ tục tố tụng

Quan điểm thứ hai, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự bằng việc pháp luật ghi nhận đầy đủ các quyền tố tụng của đương sự

Quan điểm thứ ba, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự bằng việc pháp luật quy định chế tài khi có hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự

Quan điểm thứ tư, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chủ thể tố tụng

Quan điểm thứ năm, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua các thiết chế giám sát (Quốc Hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...).

Như vậy, trong các công trình nghiên cứu có nhiều quan điểm khác nhau về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS. Qua tham khảo các công trình nghiên cứu trên và xuất phát từ bản chất của biện pháp bảo đảm, nghiên cứu sinh nhận thấy, quyền tố tụng của đương sự được bảo đảm thực hiện bằng tổng thể các biện pháp đã được đề cập ở trên

Với những phân tích trên, việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS dưới góc độ pháp lý có thể tiếp cận theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS được hiểu là: tổng thể các biện pháp được pháp luật quy định nhằm bảo đảm thực thi có hiệu quả các quyền tố tụng của đương sự trên thực tế, bao gồm ghi nhận đầy đủ các quyền tố tụng cơ bản của đương sự đồng thời xác lập nghĩa vụ đối ứng của các đương sự khác; thiết lập cơ chế đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự; quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tòa án, Viện Kiểm sát và những người tiến hành tố tụng; thiết lập cơ

chế kiểm sát việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự cũng như chế tài cần thiết xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự.

Theo nghĩa hẹp, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS được hiểu là: tổng thể các biện pháp được pháp luật quy định nhằm bảo đảm thực thi có hiệu quả các quyền tố tụng của đương sự trên thực tế, bao gồm thiết lập cơ chế đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự; quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tòa án, Viện Kiểm sát và những người tiến hành tố tụng; thiết lập cơ chế kiểm sát việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự cũng như chế tài cần thiết xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự.

Trong khuôn khổ của luận án này, nội dung bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được tiếp cận theo nghĩa rộng.

1.1.2. Đặc điểm bảo đảm quyền tố tụng dân sự của đương sự trong tố tụng dân sự

- Tòa án là chủ thể có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự
- Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được áp dụng cho tất cả các bên đương sự
- Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự là cơ sở cho việc bảo vệ quyền dân sự của chủ thể được pháp luật bảo hộ
- Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự được thực hiện bằng nhiều biện pháp phối hợp

1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

- + Việc xây dựng pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự xuất phát từ yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự
- + Việc xây dựng các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được dựa trên các chuẩn mực quốc tế về quyền con người
- + Việc xây dựng các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được xuất phát từ yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp
- + Việc xây dựng các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được dựa trên mối quan hệ giữa luật nội dung và luật tố tụng
- + Việc xây dựng pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn tố tụng dân sự tại Tòa án

1.3. Nội dung bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

Luận án chỉ tập trung nghiên cứu các biện pháp bảo đảm sau: Ghi nhận quyền tố tụng

của đương sự, xác lập nghĩa vụ đối ứng của đương sự khác; bảo đảm thông qua quy định về người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; bảo đảm thông qua việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tòa án; bảo đảm thông qua quy định về trách nhiệm kiểm sát của Viện kiểm sát; bảo đảm thông qua quy định chế tài khi các chủ thể vi phạm quyền tố tụng của đương sự.

1.3.1. Ghi nhận đầy đủ các quyền tố tụng cơ bản của đương sự đồng thời xác lập và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tương ứng của các đương sự khác

+ Pháp luật TTDS phải ghi nhận đầy đủ, hợp lý các quyền tố tụng cơ bản và các quyền tố tụng cụ thể căn cứ vào từng giai đoạn tố tụng để đương sự có thể sử dụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

+ Có một số quyền tố tụng của đương sự này là nghĩa vụ đối ứng của đương sự khác và chỉ khi đương sự khác thực hiện nghĩa vụ tố tụng của họ thì quyền tố tụng của đương sự khác mới được bảo đảm. Vì vậy, tùy theo từng giai đoạn tố tụng pháp luật sẽ ghi nhận cho đương sự các quyền tố tụng cụ thể và xác lập nghĩa vụ tố tụng đối ứng của đương sự khác

1.3.2. Thiết lập cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền tố tụng của đương sự thông qua sự tham gia tố tụng của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự tại Tòa án

1.3.2.1. Thiết lập cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền tố tụng của đương sự thông qua sự tham gia tố tụng của người đại diện

Pháp luật TTDS bên cạnh việc ghi nhận các quyền tố tụng cụ thể của đương sự phải có cơ chế để các đương sự không có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng hoặc không có điều kiện trực tiếp tham gia tố tụng có thể thực hiện được các quyền tố tụng được pháp luật trao cho. Thực tiễn cho thấy trong các quan hệ pháp luật những người mất năng lực hành vi, hạn chế năng lực hành vi, người chưa thành niên hoặc người có khó khăn trong nhận thức điều khiển hành vi đều phải có người đại diện. Bên cạnh đó, có những trường hợp đương sự đau ốm, đi công tác hoặc vì một lý do chính đáng nào đó mà không thể tham gia tố tụng được cần có người đại diện thay họ để thực hiện các quyền và nghĩa vụ trước Tòa. Sự tham gia của người đại diện góp phần bảo đảm quyền tố tụng của đương sự được thực thi hữu hiệu trên thực tế

1.3.2.2. Thiết lập cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền tố tụng của đương sự thông qua sự tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Khi tham gia tố tụng không phải đương sự nào cũng hiểu biết pháp luật để thực hiện

các quyền tố tụng. Vì các thủ tục tố tụng, các quy trình pháp lý tại tòa khá phức tạp. Do vậy, cần sự hỗ trợ pháp lý của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp để giúp đương sự thực hiện quá trình này. Sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vừa có vai trò tư vấn giúp đương sự hiểu và thực hiện tốt các quyền tố tụng của mình đồng thời hỗ trợ cho đương sự thực hiện những quyền tố tụng khác như quyền thu thập chứng cứ, chứng minh; quyền tranh tụng...

1.3.3. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

Để Tòa án bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thì trước hết phải xây dựng cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy và bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, bằng cách quy định trách nhiệm Tòa án, cũng như quyền và nghĩa vụ các bên đương sự, làm căn cứ cho việc thực thi. Trong quá trình giải quyết vụ án tùy từng giai đoạn tố tụng, Tòa án chủ động hoặc theo yêu cầu của đương sự áp dụng hoặc tạo điều kiện cần thiết để đương sự thực hiện quyền tố tụng theo quy định của pháp luật. Mức độ thực hiện trách nhiệm của Tòa án sẽ quyết định quyền tố tụng của đương sự có được bảo đảm thực hiện hay không.

Tòa án thực hiện quyền lực, chức năng, nhiệm vụ của mình thông qua hoạt động xét xử. Hoạt động xét xử đó được tiến hành bởi các chủ thể tiến hành tố tụng là Chánh án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội thẩm nhân dân và Thẩm tra viên. Vì vậy, pháp luật tố tụng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng phù hợp với chức năng của họ có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc thực thi quyền tố tụng của đương sự. Đặc biệt là nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, Hội thẩm và Thư ký Tòa án.

1.3.4. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

Sự tham gia của VKS trong tố tụng dân sự xem như là một trong những “kênh giám sát” để bảo đảm cho quyền tố tụng của đương sự được thực thi hiệu quả trên thực tế. Tuy nhiên, không phải nước nào cũng sử dụng cơ chế kiểm sát của Viện kiểm sát để bảo đảm quyền tố tụng của đương sự.

Để VKS có thể thực hiện chức năng kiểm sát hiệu quả, góp phần bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thì pháp luật TTDS phải quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của VKS trong việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự phù hợp với chức năng, vị trí, vai

trò của VKS. Nhà lập pháp phải căn cứ vào tính chất của các giai đoạn của TTDS như sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm tái thẩm để ghi nhận quyền hạn và nhiệm vụ của VKS phù hợp chức năng kiểm sát nhằm bảo đảm thực thi quyền tố tụng của đương sự tương ứng với mỗi giai đoạn tố tụng. Mặt khác, nhà lập pháp phải căn cứ vào mô hình tố tụng, căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp để quy định hợp lý nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong TTDS.

1.3.5. Thiết lập chế tài cần thiết xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự

Việc phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự sẽ có tác dụng ngăn ngừa, khắc phục những hậu quả do hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự. Vì vậy, pháp luật TTDS cần phải quy định đầy đủ, rõ ràng, minh bạch các chế tài để xử lý đối với các chủ thể khi có hành vi vi phạm xảy ra. Các chế tài này không chỉ áp dụng cho các chủ thể tiến hành tố tụng, chủ thể tham gia tố tụng mà còn áp dụng cho các chủ thể lưu giữ các tài liệu, chứng cứ nhưng gây trở ngại cho đương sự trong việc thu thập, cung cấp chứng cứ. Các chế tài được áp dụng đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức xâm phạm quyền tố tụng của đương sự rất đa dạng, có thể là chế tài kỷ luật, chế tài hành chính, chế tài hình sự, chế tài dân sự. Tùy theo địa vị tố tụng của các chủ thể và tính chất, mức độ vi phạm để pháp luật tố tụng dân sự quy định các chế tài tương ứng. Đối với chủ thể vi phạm quyền tố tụng của đương sự mà không phải là cán bộ, công chức thì tùy theo mức độ vi phạm để có thể xử lý theo chế tài dân sự, chế tài hành chính, chế tài hình sự. Đối với chủ thể vi phạm là cán bộ, công chức thì ngoài các chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài hình sự còn thể bị xử lý theo chế tài kỷ luật.

1.4. Các yếu tố chi phối việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

- + Trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự của đương sự
- + Hoạt động hỗ trợ tư pháp
- + Năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp của người tiến hành tố tụng

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TỔ TỤNG CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS

2.1.1. Về ghi nhận quyền tố tụng cơ bản và thiết lập nghĩa vụ tố tụng đối ứng ứng của đương sự

2.1.1.2. Về một số ưu điểm trong việc ghi nhận quyền tố tụng cơ bản và thiết lập nghĩa vụ tố tụng đối ứng của đương sự

Kết quả đối chiếu lý luận và luật thực định cho thấy, căn cứ vào tính chất, mục đích của từng giai đoạn tố tụng cũng như các hành vi tố tụng mà đương sự cần phải thực hiện để bảo vệ quyền, lợi ích dân sự, nhà lập pháp Việt Nam đã cụ thể hóa quyền tố tụng cơ bản này thành các quyền tố tụng cụ thể và được ghi nhận trong BLTTDS năm 2015

Bên cạnh việc ghi nhận các quyền tố tụng cụ thể, dựa trên lý luận về mối tương quan giữa quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự, BLTTDS năm 2015 cũng đã thiết lập các nghĩa vụ đối ứng của các đương sự nhằm bảo đảm cho việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự trong TTDS

2.1.1.2. Về một số hạn chế trong việc ghi nhận quyền tố tụng và thiết lập nghĩa vụ tố tụng đối ứng của đương sự

* Về một số hạn chế trong việc ghi nhận quyền tố tụng

- Quy định quyền khiếu nại cụ thể của đương sự trong BLTTDS năm 2015 chưa thực sự hợp lý, chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền khiếu nại của đương sự

- BLTTDS năm 2015 thiếu vắng quy định về quyền của đương sự trong việc đề nghị cá nhân, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng TPTANDTC

- BLTTDS năm 2015 chưa quy định cụ thể về quyền được xét xử bởi một Tòa án độc lập, khách quan trong một thời hạn hợp lý

- BLTTDS năm 2015 chưa có quy định về quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện

* Về một số hạn chế trong việc thiết lập nghĩa vụ tố tụng đối ứng của đương sự:

- BLTTDS năm 2015 chưa quy định về nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên trong việc gửi cho nguyên đơn văn bản thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo

- BLTTDS năm 2015 không quy định về nghĩa vụ gửi phản hồi kháng cáo và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự kháng cáo và coi việc phản hồi kháng cáo là một quyền tố tụng của đương sự thay vì là nghĩa vụ tố tụng của họ

- BLTTDS năm 2015 chưa quy định nghĩa vụ gửi bản sao đơn kháng cáo và tài liệu, chứng cứ kèm theo của người kháng cáo cho đương sự liên quan đến kháng cáo

- BLTTDS năm 2015 không quy định biện pháp và thời hạn thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn trong việc gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự đối lập

- BLTTDS năm 2015 không quy định biện pháp và thời hạn thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn trong việc gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự đối lập

2.1.2. Thực trạng các quy định của pháp luật TTDS về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò của người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

2.1.2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật TTDS về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò của người đại diện

BLTTDS năm 2015 quy định về người đại diện có nhiều thay đổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đương sự có thể có được người thay mặt thực hiện các quyền tố tụng trước Tòa án để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy có một số quy định về người đại diện trong BLTTDS năm 2015 chưa được quy định hợp lý, rõ ràng dẫn đến gây khó cho việc thực hiện quyền đại diện của đương sự.

- BLTTDS năm 2015 không quy định rõ các trường hợp pháp nhân không được làm người đại diện theo ủy quyền

- Quy định của BLTTDS năm 2015 về thời điểm đương sự có thể thực hiện việc ủy quyền trong tố tụng dân sự, chủ thể xác nhận việc ủy quyền và hình thức ủy quyền chưa đáp ứng yêu cầu *bảo đảm quyền được có người đại diện tham gia tố tụng của đương sự*

2.1.2.2. Thực trạng các quy định của pháp luật TTDS về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

- BLTTDS năm 2015 chưa tạo điều kiện thuận lợi cho sự người bảo vệ trợ giúp đương sự tham gia tố tụng để hỗ trợ đương sự thực hiện quyền tố tụng của họ. Cụ thể, BLTTDS năm 2015 chưa đơn giản hóa về thủ tục đăng ký làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày tại phiên tòa không phải lúc nào cũng được HĐXX ghi nhận. Vì vậy, vai trò tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự rất mờ nhạt

- BLTTDS năm 2015 chưa có quy định loại trừ đối với trường hợp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự với người thân thích (con cái; vợ, chồng hoặc cha, mẹ) của họ tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ án.

2.1.3. Thực trạng các quy định pháp luật TTDS về trách nhiệm của Tòa án và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

2.1.3.1. Thực trạng các quy định pháp luật TTDS về trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự

Thứ nhất, BLTTDS năm 2015 chưa có những quy định về trách nhiệm của Tòa án gắn liền với việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự.

Thứ hai, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 4 là Tòa án không được từ chối thụ lý giải quyết vụ án khi chưa có điều luật áp dụng để bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự, nhưng BLTTDS năm 2015 cũng không có quy định về chế tài đối với Tòa án khi từ chối thụ lý vụ án với lý do chưa có điều luật áp dụng.

Thứ ba, BLTTDS năm 2015 không giới hạn thời hạn mà Tòa án có quyền thu thập chứng cứ, chính quy định này đã ảnh hưởng lớn việc thực hiện quyền tranh tụng của đương sự.

Thứ tư, sự độc lập khách quan của Tòa án trong quá trình xét xử là một bảo đảm quan trọng cho quyền tố tụng của đương sự được thực thi trên thực tế.

2.1.3.2. Thực trạng các quy định pháp luật TTDS về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự

Bên cạnh những ưu điểm thì BLTTDS năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm còn có một số hạn chế như:

- Chưa có điều, khoản nào quy định cụ thể trách nhiệm của Thẩm phán trong việc bảo đảm, hỗ trợ cho đương sự thực hiện các quyền tố tụng do pháp luật quy định..

- BLTTDS năm 2015 quy định đương sự có nghĩa vụ chuyển giao các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án cho các đương sự khác, nhưng không quy định Thẩm phán phải có trách nhiệm giám sát, đôn đốc, yêu cầu các đương sự thực hiện nghĩa vụ đó

- Điều 51 BLTTDS năm 2015 không có bất kỳ quy định nào gắn liền trách nhiệm của Thư ký với việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự hoặc quy định Thư ký có trách nhiệm cùng với Thẩm phán hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho đương sự thực hiện các quyền tố tụng của họ.

- BLTTDS năm 2015 không quy định Hội thẩm nhân dân phải nghiên hồ sơ vụ án từ giai đoạn nào của quá trình tố tụng.

2.1.4. Thực trạng các quy định của pháp luật TTDS về cơ chế kiểm sát việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự

Bên cạnh những ưu điểm thì còn tồn tại một số hạn chế như:

- Quy định của BLTTDS năm 2015 chưa đáp ứng yêu cầu về kiểm sát bảo đảm quyền khởi kiện của đương sự

- Quy định của BLTTDS năm 2015 về quyền kháng nghị của VKS chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền tự định đoạt, quyền tranh tụng của đương sự

2.1.5. Thực trạng quy định của pháp luật về chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự

Một số hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự chưa được pháp luật quy định về chế tài xử lý, dẫn đến quyền tố tụng của đương sự chưa được bảo đảm thực hiện.

- BLTTDS năm 2015 không quy định chế tài đối với hành vi cản trở đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho các yêu cầu của đương sự.

- BLTTDS năm 2015 chưa quy định chế tài đối với trường hợp người đại diện; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự nếu họ có hành vi tổn hại đến việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự.

- BLTTDS năm 2015 không quy định chế tài nếu các đương sự không thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự phía đối lập

- BLTTDS năm 2015 chỉ quy định các chế tài về hành vi cản trở hoạt động tố tụng mà chưa đặt ra trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp các chủ thể tiến hành tố tụng và các đương sự đối lập xâm phạm quyền tố tụng của các đương sự khác.

2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định hiện hành về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS

2.2.1. Về kết quả đạt được từ thực tiễn thực hiện quy định hiện hành về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS

- Trong thời gian qua, về cơ bản các quyền tố tụng của đương sự đã được bảo đảm thực hiện trên thực tế. Cụ thể, đối với quyền khởi kiện, khi đương sự khởi kiện vụ án đáp ứng được các quy định của pháp luật thì đều được Tòa án chấp nhận.

- Kết quả nghiên cứu thực tiễn cũng cho thấy quyền hòa giải của đương sự cũng đã được các Tòa án bảo đảm thực hiện trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, số lượng các vụ án được hòa giải thành trong năm 2017 là 173.958 vụ, đạt tỷ lệ đạt 53,3%.

- Quyền khiếu nại của các đương sự cũng được quan tâm, bảo đảm thực hiện. Trong năm 2017, các Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao đã giải quyết 7.097/18.067 đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, đạt 39,3% (tăng hơn năm trước 8,8%); giải quyết 4.875/5.005 khiếu nại các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng, đạt 97,4% (tăng hơn năm trước 8,9%).

- Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, Tòa án cũng đã tôn trọng và bảo đảm cho các đương sự thực hiện các quyền tố tụng của họ.

- Bộ Tư pháp đã cấp chứng chỉ hành nghề luật sư cho 1.004 trường hợp; cấp và gia hạn giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho 57 trường hợp luật sư nước ngoài. Cả nước hiện có tổng số 12.581 luật sư đã được cấp thẻ hành nghề (tăng 1054 luật sư so với năm 2016). Với số lượng luật sư ngày càng tăng lên thì trong quá trình tham gia tố tụng đương sự càng có nhiều cơ hội để lựa chọn những luật sư có kinh nghiệm, chuyên môn giỏi góp phần hỗ trợ đương sự trong việc bảo đảm quyền tố tụng của mình

- Vì vậy, năm 2017 các Trung tâm TGPL đã hoàn thành 79.743 vụ việc TGPL cho 87.268 lượt người, trong đó có 16.280 vụ việc tham gia tố tụng (tăng 150% so với năm 2016).

- VKS các cấp cũng đã phát hiện các vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, góp phần bảo đảm quyền tố tụng của đương sự. Cụ thể, năm 2016, VKS đã ban hành 1.521 kháng nghị phúc thẩm, trong đó Tòa án chấp nhận 1.319 kháng nghị đạt tỷ lệ 86,7%.

2.2.2.1. Những tồn tại, hạn chế tồn tại trong việc thực hiện các quy định của pháp luật TTDS về quyền tố tụng của đương sự, nghĩa vụ tố tụng đối ứng của đương sự khác

- Tình trạng đương sự không thực hiện nghĩa vụ có mặt theo triệu tập của Tòa án dẫn đến quyền tham gia hòa giải của đương sự khác không được thực hiện

- Hiện tượng đương sự không thực hiện nghĩa vụ phản hồi việc khởi kiện và không tham gia phiên họp để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ

- Đương sự không thực hiện nghĩa vụ gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự đối lập dẫn

tới quyền tiếp cận chứng cứ, tài liệu của vụ án, quyền tranh tụng của đương sự đối lập không được bảo đảm thực hiện

- Sự bất hợp tác của một bên dẫn đến quyền đề nghị Tòa án tiến hành biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ và quyền yêu cầu định giá tài sản không được thực hiện

2.2.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện thực hiện các quyền tố tụng của đương sự thông qua người đại diện và vai trò hỗ trợ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự

- * Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện thực hiện các quyền tố tụng của đương sự thông qua người đại diện

- Quyền có người đại diện của đương sự không được thực hiện do cách hiểu và vận dụng khác nhau về phạm vi đại diện của người đại diện giữa các Tòa án

- Quyền có người đại diện của đương sự không được thực hiện do sự thiếu hiểu biết của đương sự và người đại diện của họ

- * Những tồn tại, hạn chế trong việc thực tiễn thực hiện các quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò hỗ trợ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự

- Tòa án chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người bảo vệ quyền, lợi ích của đương sự tham gia tố tụng dẫn đến quyền nhờ người bảo vệ quyền lợi của đương sự không được thực hiện

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và người thân thích của người đó cùng tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự có quyền lợi đối lập nhau

- Không phải bao giờ Luật sư cũng được vào sổ đăng ký đúng thời gian như luật định, nhiều vụ việc Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc dân sự còn chưa nhận thức được tầm quan trọng của Luật sư ngay từ giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án nên đã chậm trễ trong việc vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Hiện tượng Tòa án chưa thực sự coi trọng vai trò của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vẫn còn tồn tại

2.2.1.3. Những tồn tại, hạn chế trong việc thực tiễn thực hiện các quy định về trách nhiệm của Tòa án và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

- * Những tồn tại, hạn chế trong việc thực tiễn thực hiện các quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

- Tòa án không tiến hành thủ tục tổng đạt không hợp lệ, dẫn đến việc đương sự không biết đề sửa đổi đơn phản tố nên quyền phản tố của đương sự không được thực hiện. (Bản án số 53/2018/DS-PT trong vụ án “kiện đòi tài sản” do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm ngày 21/3/2018_

- Tòa án đã vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự do giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự. (Quyết định giám đốc thẩm số 63/2017/DS-GĐT) do TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử ngày 03/8/2017)

- Tòa án thiếu trách nhiệm đã dẫn đến một số quyền trong nhóm quyền tranh tụng của đương sự không được bảo đảm thực hiện. (Bản án số 219/2017/DS-PT) do TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm ngày 15/9/2017

- Tòa án xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng nên đã không triệu tập đương sự tham gia tố tụng, dẫn đến đương sự không thực hiện được các quyền tố tụng của mình vẫn còn tồn tại. (Bản án số 10/2018/DS-PT) do TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh xét xử ngày 18/1/2018,

** Những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn thực hiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng với việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự*

- Về thực tiễn thực hiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán

Trong thực tiễn xét xử không phải khi nào Thẩm phán cũng thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được BLTTDS quy định. (Bản án số 48/2017/DS-PT “tranh chấp về hợp đồng vay tiền” do Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử ngày 27/9/2017, đã đề cập đến sai phạm của Thẩm phán do không thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo luật định); (Bản án số 08/2017/DS-PT “tranh chấp về hợp đồng đặt cọc” do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử ngày 20/02/2017).

- Về thực tiễn thực hiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của thư ký Tòa án

Thực tiễn xét xử cho thấy Thư ký không thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng của mình đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền tố tụng khác của đương sự. (Bản án số 69/2018/DS-PT “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” do TAND tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm ngày 26/3/2018 phần nhận định của TA cấp tỉnh đã xác định sai phạm của Thư ký Tòa án trong việc ghi biên bản phiên tòa); (Bản án số 48/2017/DS-PT “tranh chấp về hợp đồng vay tiền” do Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử ngày 27/9/2017)

- Về thực tiễn thực hiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân

Trong thực tiễn xét xử nhiều trường do Hội thẩm không nghiên cứu kỹ nội dung vụ án mà chỉ tham gia cho đủ thành phần theo luật định. Do đó, có những vụ án Hội thẩm không biết mình đã tham gia xét xử trước đó nên tiếp tục tham gia xét xử lần hai, dẫn đến bản án bị hủy do Hội thẩm tham gia xét xử hai lần cùng một vụ án. (Bản án số 16/2018/DS-PT ngày 02/02/2018 “tranh chấp về quyền sử dụng đất” do TAND tỉnh Bắc Giang).

2.2.1.4. Những tồn tại, hạn chế trong việc thực tiễn thực hiện các quy định về cơ chế kiểm sát việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự

- Có những trường hợp VKS cấp dưới kháng nghị nhưng việc kháng nghị này không có căn cứ nên VKS cấp trên đã rút kháng nghị. (Bản số 09/2017/LĐ-PT “tranh chấp về hình thức xử lý kỷ luật lao động sa thải” do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử ngày 13/7/2017)

- Bản án bị hủy do KSV tham gia hai lần cùng một vụ án vẫn diễn ra. (Bản án số 188/2017/DS-PT về “yêu cầu bồi thường do tính mạng bị xâm phạm” do TAND tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm ngày 17/08/2017).

- Tình trạng đương sự kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, nhưng VKS kháng nghị hủy bản án sơ thẩm vẫn tồn tại, vi phạm quyền định đoạt của đương sự. (Vụ án “tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính” giữa bà L và ông V, do TAND cấp cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm và ra bản án số 153/2018 DS-PT ngày 29/10/2018).

2.2.1.5. Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện quy định về chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự

- Trên thực tế các hành vi vi phạm dẫn đến quyền tố tụng của đương sự không được bảo đảm thực hiện vẫn tồn tại. Ví dụ: Thẩm phán TAND huyện Tuy Phước (Bình Định) vừa tuyên án một vụ ly hôn xong thì bất ngờ cả chục người phía bị đơn xông lên đập đồ bàn ghế của HĐXX và giật hồ sơ, xé nát toàn bộ các tài liệu. Việc xé nát hồ sơ và tài liệu ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các quyền tố tụng tiếp theo ở phiên tòa phúc thẩm.

- Tình trạng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vi phạm quyền tố tụng của đương sự vẫn còn tồn tại.

- Tình trạng đương sự đối lập có hành vi cản trở các đương sự khác tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án vẫn tồn tại, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án và làm cho

các đương sự khác không thể thực hiện được các quyền tố tụng của họ. (Quyết định giám đốc thẩm số 07/2017/HNGĐ-GĐT ngày 11/7/2017 “tranh chấp về ly hôn” do TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm).

2.3. Nguyên nhân của việc quyền tố tụng của đương sự không được bảo đảm thực hiện

Việc quyền tố tụng của đương sự chưa được bảo đảm thực hiện trên thực tế là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Ngoài nguyên nhân do bất cập về các quy định của pháp luật tố tụng mà nghiên cứu sinh đã phân tích trong phần 2.1 và 2.2 của Chương 2, còn có các nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, do khả năng hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của đương sự

Thứ hai, do trình độ năng lực, trình độ, quan điểm nhận thức của người tiến hành tố tụng

Thứ ba, thiếu sự hỗ trợ của tổ chức trợ giúp viên pháp lý và đội ngũ luật sư

CHƯƠNG 3: YÊU CẦU VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TỔ TỤNG CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

3.1. Yêu cầu về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

- + Việc hoàn thiện và thực hiện các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự phải đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN
- + Việc hoàn thiện và thực hiện các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự phải đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh hiện nay
- + Việc hoàn thiện và thực hiện các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự phải đáp ứng yêu cầu về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật
- + Việc hoàn thiện và thực hiện các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự phải khắc phục có hiệu quả những tồn tại, hạn chế, bất cập hiện nay

3.2. Kiến nghị về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

3.2.1.1. Bổ sung, cụ thể hóa các quyền tố tụng của đương sự chưa được pháp luật ghi nhận

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền khiếu nại của đương sự theo hướng mở rộng quyền này
- Bổ sung quyền đề nghị cá nhân, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng TPTANDTC
- Bổ sung quyền được xét xử bởi một Tòa án độc lập, khách quan trong một thời hạn hợp lý
- Bổ sung quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện

3.2.1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về nghĩa vụ đối ứng của đương sự gắn với bảo đảm quyền tố tụng của đương sự khác

- Bổ sung nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc gửi cho nguyên đơn văn bản thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo
- Bổ sung nghĩa vụ gửi bản sao đơn kháng cáo và tài liệu, chứng cứ kèm theo của người kháng cáo cho đương sự liên quan đến kháng cáo
- Bổ sung nghĩa vụ gửi phản hồi kháng cáo và tài liệu, chứng cứ kèm theo của đương sự không kháng cáo phúc thẩm

Bổ sung quy định về nghĩa vụ trao đổi tài liệu, chứng cứ của đương sự có yêu cầu tố tụng nhằm bảo đảm quyền tranh tụng của các đương sự khác

Bổ sung quy định về thời điểm trao đổi tài liệu, chứng cứ giữa các đương sự và trách nhiệm giám sát, đôn đốc của Thẩm phán

3.2.1.3. Hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò của người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

** Hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò của người đại diện*

- Bổ sung một số chủ thể không được làm người đại diện của đương sự
- Bổ sung quy định các trường hợp pháp nhân không được làm người đại diện theo ủy quyền
- Bổ sung quy định về hình thức ủy quyền trong tố tụng dân sự để bảo đảm quyền được ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân tham gia tố tụng

** Hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua vai trò của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*

- Bổ sung quyền khiếu nại của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đối với quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng
- Sửa đổi Khoản 5 Điều 75 BLTTDS năm 2015 theo hướng đơn giản hóa về thủ tục đăng ký tham gia làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của đương sự
- Bổ sung trường hợp cấm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia làm người đại diện hoặc người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự
- Bổ sung quy định ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa phải được nhận ghi trong bản án, trường hợp HĐXX không chấp nhận ý kiến đó thì phải nêu rõ lý do và ghi trong bản án

3.2.1.5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về trách nhiệm của Tòa án và nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

- *Bổ sung nguyên tắc Tòa án phải có trách nhiệm bảo đảm quyền tố tụng của đương sự*
- Bổ sung quy định giới hạn thời hạn Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ.
- Bổ sung các trường hợp cụ thể mà đương sự có quyền yêu cầu thay đổi Thẩm phán

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nhân dân trong việc bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

3.2.1.5. Hoàn thiện các quy định về cơ chế kiểm sát việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 170 BLTTDS năm 2015 đáp ứng yêu cầu về kiểm sát việc thực hiện quyền khởi kiện của đương sự

- Sửa đổi, bổ sung quyền hạn của Viện Kiểm sát tại phiên tòa để đáp ứng yêu cầu về kiểm sát thực hiện quyền tranh tụng của đương sự

- Hạn chế quyền kháng nghị của VKS để bảo đảm quyền tự định đoạt của đương sự

3.2.1.6. Bổ sung chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự

- Bổ sung quy định về chế tài xử lý đối với hành vi cản trở sự tham gia tố tụng của đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ

- Bổ sung quy định xử lý hành vi cản trở hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ của đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự

- Bổ sung chế tài trong trường hợp đương sự không thực hiện nghĩa vụ gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự đối lập

- Bổ sung chế tài trong trường hợp người đại diện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự có hành vi phạm quyền tố tụng của đương sự

- Bổ sung trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Tòa án trong trường hợp có hành vi vi phạm quyền tố tụng của đương sự dẫn đến thiệt hại

- Bổ sung chế tài xử lý trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

- Bổ sung trách nhiệm bồi thường dân sự của đương sự đối với hành vi phạm quyền tố tụng của đương sự khác dẫn đến thiệt hại

3.2.2. Kiến nghị thực hiện các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự

3.2.2.1. Xây dựng chương trình đánh giá chỉ số công lý để nâng cao hiệu quả giám sát bảo đảm thực hiện quyền tố tụng của đương sự

3.2.2.2. Tăng cường các bảo đảm khác từ Tòa án nhằm bảo đảm thực hiện các quyền tố tụng cụ thể của đương sự

3.2.2.3. Nhà nước phải có chủ trương và chiến lược để thay đổi tư duy, nhận thức về tinh thần thượng tôn pháp luật, về hoạt động tư pháp theo hướng Tòa án làm dịch vụ công để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự

3.2.2.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý, thừa phát lại, luật sư

3.2.2.5. Thống nhất mô hình đào tạo các chức danh tư pháp

KẾT LUẬN CHUNG

Việc nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS là tiền đề quan trọng để soi chiếu, đánh giá thực trạng của pháp pháp luật và thực tiễn thực hiện bảo đảm quyền tố tụng của đương sự. Vì vậy, Chương 1 của Luận án đã xây dựng một cách hoàn chỉnh những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự như khái niệm, đặc điểm của bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS, đồng thời Luận án cũng đã luận giải được cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự và phân tích các nội dung cơ bản về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS.

Trên cơ sở đối chiếu với những vấn đề lý luận đã nghiên cứu ở Chương 1, Chương 2 của Luận án tập trung làm rõ những bất cập, vướng mắc về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện bảo đảm các quyền tố tụng cụ thể của đương sự trong tố tụng dân sự. Qua việc nghiên cứu thực trạng pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS, Luận án đã chỉ ra được những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, Chương 2 của Luận án còn phân tích, luận giải các bất cập, vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thực hiện việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, đồng thời làm rõ được nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến các vướng mắc, bất cập đó.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở Chương 2 về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện bảo đảm quyền tố tụng của đương sự, Luận án đã nhận diện được nguyên nhân dẫn đến các hạn chế, bất cập về việc thực hiện quyền tố tụng của đương sự. Vì vậy, ở Chương 3, Luận án đã luận giải được những yêu cầu và đã đề xuất một số kiến nghị để bảo đảm quyền tố tụng của đương sự. Các kiến nghị này tập trung vào hai vấn đề cơ bản: Kiến nghị hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền tố tụng của đương sự và kiến nghị thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm quyền tố tụng của đương sự. Hy vọng, với một số kiến nghị này có thể góp phần nâng cao hiệu quả việc bảo đảm quyền tố tụng của đương sự trong TTDS.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2014), “Hoàn thiện một số quy định về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự để bảo đảm quyền khởi kiện của người khởi kiện”, *Tạp chí kiểm sát*, (09).
2. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2014), “Hoạt động giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam và Bộ luật tố tụng dân sự Pháp”, *Tạp chí kiểm sát*, (22).
3. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2015), “Bảo đảm quyền tố tụng của đương sự thông qua người đại diện”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (11).
4. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2015), “Hoàn thiện Bộ luật tố tụng dân sự để thực hiện quy định: quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (12).
5. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2017), “Bảo đảm quyền yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí Luật học*, (2).